

Số: **0419** /TCT-QHCD
V/v: Công bố thông tin trên cổng
thông tin điện tử của UBCKNN

Hà Nội, ngày **11** tháng 05 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: **Cán Hồng Lai**

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

CIENCO1 Báo cáo thường niên 2014 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: P

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- Trưởng BKS (b/c);
- Website Cienco1;
- Lưu: QHCD, VP.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Cán Hồng Lai

Số: 0420 /TCT-QHCB

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Năm 2014 – Tổng công ty XDCTGT1 – Công ty CP)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

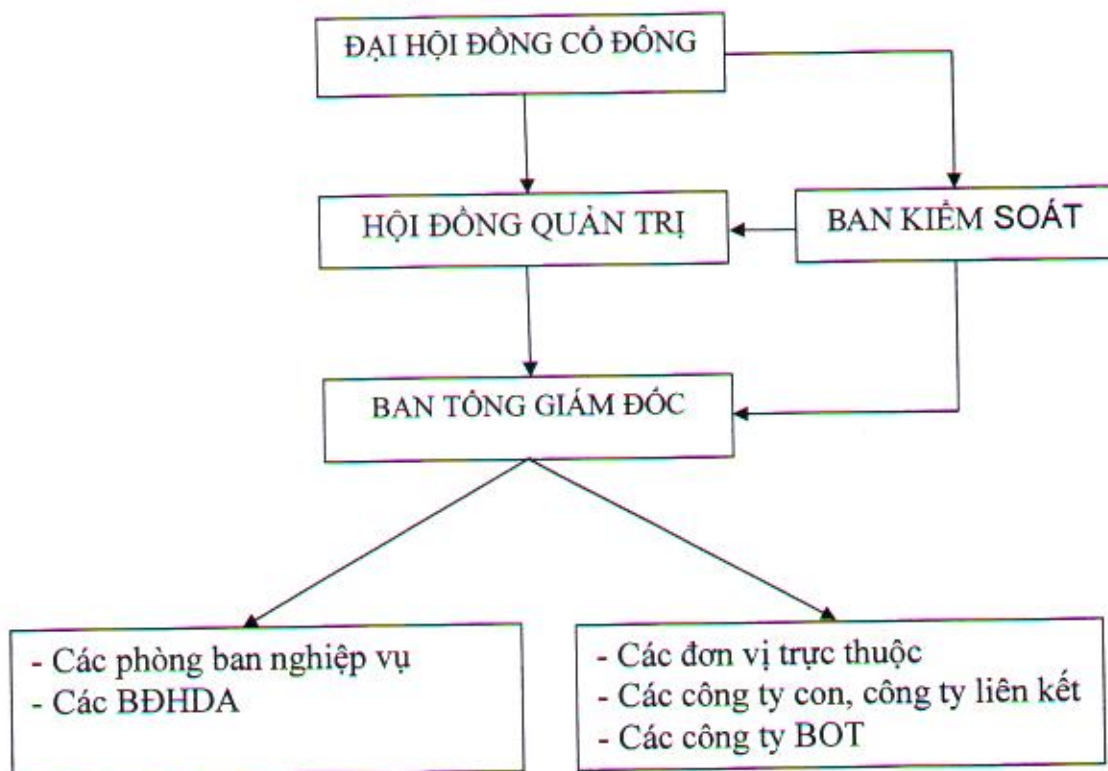
- Tên giao dịch: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100104274 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/8/2014.
- Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng (Bảy trăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 043.8350930
- Fax: 043.7721232
- Website: www.cienco1.com

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trước khi thực hiện cổ phần hoá, Tổng công ty XDCTGT 1 là đơn vị kế thừa truyền thống của Ban chỉ đạo miền Tây được thành lập ngày 03/8/1964, sau đó (tháng 6/1966) được đổi tên thành Cục công trình II thuộc Bộ GTVT.
- Thời kỳ 1975 – 1995 Cục công trình II được lần lượt đổi tên thành Xí nghiệp liên hiệp công trình II (1975 – 1982); Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông khu vực I (1983 – 1985); Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông 1 (1985 – 1990) trực thuộc Bộ GTVT.
- Từ năm 1991 Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông 1 được đổi tên thành Tổng công ty XDCT1, năm 1995 Bộ GTVT ban hành quyết định thành lập Tổng công ty XDCTGT1 theo Quyết định số 90 của Thủ tướng Chính phủ.
- Từ 01/7/2010 Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên trực thuộc Bộ GTVT và triển khai thực hiện công tác cổ phần hoá theo chủ trương của Đảng và các Nghị quyết của Chính phủ.
- Ngày 29/4/2014, Tổng công ty XDCTGT1 tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Tổng công ty chuyển sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp – Là công ty đại chúng quy mô lớn.
- Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty XDCTGT1 đã được Đảng, Nhà nước, Bộ GTVT và các ban ngành địa phương khen tặng nhiều danh hiệu cao quý cho các tập thể và cá nhân, trong đó điển hình là:
 - Huân chương độc lập hạng nhất cho tập thể TCT năm 1985 và 2011
 - Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể Tổng công ty năm 2004

- Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho tập thể Tổng công ty năm 2004
 - Danh hiệu Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 07 đơn vị trực thuộc.
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình giao thông (Cầu, đường sắt, đường bộ, cảng, sân bay)
 - Địa bàn hoạt động chủ yếu: Trong nước (Hà nội, Đà Nẵng, thành phố HCM...); Ngoài nước (Lào, Campuchia)
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4.1 Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY XDCTGT1 – CÔNG TY CP
(Thời điểm 31/12/2014)



- + Đại hội đồng cổ đông họp phiên đầu tiên: 29/4/2014
- + Hội đồng quản trị: Gồm 05 người, đã chuyển công tác 01 người
- + Ban kiểm soát: Gồm 03 người
- + Ban Tổng giám đốc: Gồm TGD và 04 Phó Tổng giám đốc
- + Các phòng nghiệp vụ: 08 (Văn phòng, TCCB-LĐ, TCKT, Kế hoạch, Thị Trường, Kỹ thuật VTTB, Đầu tư phát triển, Quan hệ cổ đông).
- + Các đơn vị trực thuộc gồm: 03 chi nhánh, 02 đơn vị thi công đường, 03 đơn vị thi công cầu, 01 đơn vị cung ứng lao động hợp tác nước ngoài, 01 trường dạy nghề
- + Các công ty con: 07 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)
- + Các công ty liên kết: 20 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)

- + Công ty BOT có vốn góp TCT: 07 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)
- 4.2 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức ngày 25/4/2015, đã bầu lại các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2014-2019 như sau
- Hội đồng quản trị gồm 05 người:
 - + Ông Nguyễn Ngọc Hoà: Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Cấn Hồng Lai: Phó Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Phạm Văn Diệt: Ủy viên HĐQT
 - + Ông Phạm Việt Khoa: Ủy viên HĐQT
 - + Ông Vương Đức Thọ: Ủy viên HĐQT
 - Ban kiểm soát gồm 03 người:
 - + Ông Lê Văn Long: Trưởng Ban kiểm soát
 - + Ông Vũ Việt Hùng: Kiểm soát viên
 - + Bà Đỗ Thuý Anh: Kiểm soát viên
5. Định hướng phát triển
- Các mục tiêu chủ yếu của TCT
 - + Hoàn thiện hệ thống quy chế hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trong đó cơ quan điều hành TCT giữ vai trò hạt nhân về khoa học, công nghệ, thị trường, tài chính; Có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo; Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề; Thị trường xây dựng, đầu tư và thương hiệu hấp dẫn để mở rộng sản xuất kinh doanh; Có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với thế mạnh truyền thống của TCT để phát triển ổn định, vững chắc.
 - + Xây dựng TCT thành doanh nghiệp mạnh hàng đầu của ngành GTVT về xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông quốc gia.
 - + Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
 - + Xây dựng một số đơn vị thành viên (Công ty con) có quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao đi đôi với việc thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, không có hiệu quả.
 - + Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
 - + Xây dựng và quảng cáo thương hiệu CIENCO1; Nâng cao khả năng cạnh tranh của TCT đối với thị trường trong nước và thị trường khu vực.
6. Các rủi ro
- Do ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới nên Việt nam cũng không tránh được ảnh hưởng, nền kinh tế tiếp tục còn khó khăn, nhà nước tiếp tục thắt chặt chi tiêu công, nguồn vốn đầu tư xã hội tiếp tục bị suy giảm trong khi cạnh tranh trong ngành XDGB ngày càng gay gắt.
 - Biến động khó lường về thị trường vàng, tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu...trên thế giới.

- Tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết.
- Dòng tiền thanh toán từ các chủ đầu tư.
- Tình trạng chậm giải phóng mặt bằng ở các dự án

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014

1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2014

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014 – CÔNG TY MẸ

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014	Thực hiện 6/6-31/12/14	Thực hiện 2014	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700.000		700.000	100%
2	Giá trị sản lượng	4.885.000	3.661.996	5.395.752	110%
3	Doanh thu	4.195.380	3.447.398	5.079.553	121%
4	Tổng chi phí	4.119.604	3.345.555	4.965.741	120%
5	Lợi nhuận trước thuế	78.880,6	101.842	113.812	144%
6	Thuế TNDN	17.353,7	17.281	24.693	142%
7	Lợi nhuận sau thuế	61.526,9	84.561	89.119	145%
8	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	8,79%	12,08%	12,73%	145%
9	Cổ tức	7%	10%		143%

Các công trình tiêu biểu hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2014:

- Dự án Cầu Vĩnh Thịnh – Hà Nội
- Cầu Đông Trù – Hà Nội
- Nhà ga T2 - Nội Bài – Hà Nội
- Gói thầu số 3, dự án Nội Bài – Nhật Tân, Hà Nội
- Cầu Nguyệt Viên – Thanh Hoá
- Gói A5 – đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai
- Gói CP1C dự án đường sắt HN – TP HCM
- Gói số 8 dự án đường sắt Hạ Long – Cái Lân

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác

T T	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Ghi chú
			Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Cán Hồng Lai	TGD, UVHĐQT	4.100	0,0059%	
2	Phạm Quảng Dương	PTGD	600	0,0009%	
3	Nguyễn Trường Long	PTGD	25.080	0,0358%	
4	Nguyễn Ngọc Hoà	Phó CTHĐQT, PTGD	7.000	0,01%	
5	Nguyễn Duy Thắng	PTGD	6.600	0,0094%	
6	Võ Thành Công	Kế toán trưởng	6.700	0,0096%	
7	Lê Văn Dân	GD Công ty TCCG1	6.400	0,0091%	
8	Trần Trung Thành	GD XN Cầu 18	6.700	0,0096%	
9	Đào Việt Tiến	GD XN Cầu 17	5.300	0,0076%	
10	Đồng Xuân Trường	GD XN XDCT – Cienco1	6.400	0,0091%	
11	Trần Văn Trọng	GD Công ty XD 123	6.600	0,0094%	
12	Nguyễn Văn Hoàn	Hiệu Trưởng Trường TCN	6.000	0,0086%	
13	Đỗ Hoàng Lê	GD Cty CU- LĐQT	5.700	0,0081%	
14	Huỳnh Quang Tuấn	GD Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	7.700	0,011%	
15	Nguyễn Tiến Hùng	GD CN Tây Nguyên	6.300	0,009%	
16	Đặng Hữu Sáng	GD CN Camphuchia	5.200	0,0074%	

2.2 Những thay đổi trong Ban TGD và cán bộ quản lý khác trong năm 2014

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lý do thay đổi
1	Nguyễn Văn Bảo	PTGD, UVHĐQT	Chuyển công tác theo QĐ số: 3787/QĐ-BGTVT ngày

			07/10/2014
2	Nguyễn Ngọc Hoà	PTGD, PCTHĐQT	Bổ nhiệm chức danh PTGD theo QĐ số: 0626/QĐ/HĐQT- TCT ngày 17/9/2014
3	Nguyễn Duy Thắng	PTGD	Bổ nhiệm chức danh PTGD theo QĐ số: 0350/QĐ/HĐQT- TCT ngày 30/6/2014

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong công ty mẹ, tóm tắt chính sách và thay đổi bổ sung chính sách đối với người lao động trong năm 2014.

- Số lượng cán bộ nhân viên công ty mẹ (Thời điểm 31/12/2014)

TT	Mô tả	Số lượng
1	Trình độ trên đại học và đại học	845 người
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	122 người
3	Công nhân kỹ thuật, nhân viên phục vụ	1.376 người
4	Lao động phổ thông	172 người
Tổng cộng		2.515 người

- Chính sách cơ bản đối với người lao động
 - + Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
 - + Việc đãi ngộ cho người lao động: Người lao động được hưởng lương theo khả năng đáp ứng công việc được giao, không phụ thuộc vào thâm niên công tác. Đặc biệt có chính sách đãi ngộ khuyến khích đối với lao động có trình độ kỹ thuật cao, quản lý giỏi và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.
 - + Sử dụng lao động: Thường xuyên luân chuyển cán bộ để hoàn thiện khả năng quản lý và trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh. Quy hoạch, bồi dưỡng lực lượng lao động trẻ có trình độ, phẩm chất đạo đức tốt trở thành lực lượng lao động chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư
- a. Các khoản đầu tư lớn
- Đầu tư vào các dự án BOT

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

T T	Tên dự án đầu tư	Vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ vốn góp	Thực tế đã góp
1	Dự án BOT đường tránh Thanh Hoá	21.050,0	15%	21.050,0
2	Dự án BOT cầu Cổ Chiên – Quốc lộ 60	49.400,0	26%	49.400,0
3	Dự án BOT cầu Việt Trì	53.000,0	20%	44.532,4

4	Dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ	148.171,9	18%	49.032,0
5	Dự án BOT tuyến tránh Phú Lý	70.000,0	25%	30.000,0
6	Dự án BOT cầu Bạch Đằng	80.000,0	10%	-
	Tổng cộng	421.621,9		204.014,4

- Đầu tư mua sắm vật tư – thiết bị năm 2014
- + Tổng cộng giá trị đầu tư: 29.294,5 triệu đồng
Trong đó giá trị dự án đầu tư năm 2013 chuyển sang: 4.540,0 triệu đồng (Giá trị đã bao gồm thuế VAT 10%)
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư
- + Dự án BOT đường tránh Thanh Hoá: Đã hoàn thành, đang tiến hành thu phí
- + Dự án cầu Cổ Chiên: Đang triển khai, dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2015
- + Dự án BOT cầu Việt Trì: Đang triển khai, dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2015
- + Dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ: Đang triển khai giai đoạn 1, dự kiến tháng 6/2015 bắt đầu thu phí
- + Dự án BOT tuyến tránh Phú Lý: Đang triển khai thi công, dự kiến tháng 6/2016 hoàn thành
- + Dự án BOT cầu Bạch Đằng: Đang chuẩn bị để triển khai.
- b. Tình hình tài chính – hoạt động của các Công ty con.

(Đơn vị tính: Đồng)

T T	Tên công ty	Doanh thu	Lợi nhuận	LNST/TTS	LNST/VCSH
1	Công ty CP XDCT&ĐT 120	40.628.422.608	726.684.615	0,39%	3,63%
2	Công ty CP TVTN CTGT 1 - Cienco1	32.404.221.774	1.152.208.330	2,79%	7,59%
3	Công ty CP Cầu 12 - Cienco1	806.663.390.809	14.456.825.191	2,27%	21,02%
4	Công ty CP CKXD 121 - Cienco1	81.370.939.568	2.009.855.942	1,14%	13,04%
5	Công ty CP Đường bộ 240 - Cienco1	24.928.914.543	36.574.939	0,12%	0,18%
6	Công ty CP Đường bộ 242 - Cienco1	23.559.321.819	95.790.184	0,36	0,73%
7	Công ty CP Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco1	64.742.663.066	8.130.795	0,02%	0,05%

4. Tình hình tài chính năm 2014
- a. Tình hình tài chính: (Xem chi tiết ở biểu dưới đây)

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014 (Từ 06/6 - 31/12/2014)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản		4.012.252.353.357	
Doanh thu thuần		3.388.671.490.156	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		91.270.820.333	
Lợi nhuận khác		10.571.961.981	
Lợi nhuận trước thuế		101.842.782.314	
Lợi nhuận sau thuế		84.561.117.732	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		10%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: (Xem chi tiết ở biểu dưới đây)

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014 (Từ 06/6 - 31/12/2014)	Chi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn		1,03	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn		0,8	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0,81	
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH		4,14	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay HTK: Giá vốn hàng bán/HTK bình quân		4,15	
+ Doanh thu thuần/Tổng TS		0,84	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/DTT		0,02	
+ Hệ số LNST/VCSH		0,11	
+ Hệ số LNST/Tổng TS		0,02	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 70.000.000 cổ phần phổ thông

Trong đó, cổ phần hạn chế chuyển nhượng gồm:

+ Cổ phần của các cổ đông chiến lược: 21.700.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 31% VDL (Hạn chế chuyển nhượng 5 năm)

+ Cổ phần của các cổ đông là CBCNV được mua ưu đãi theo số năm cam kết: 6.113.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,73%

- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 42.186.100 cổ phần chiếm tỷ lệ 60,27%

b. Cơ cấu cổ đông (Thời điểm 31/12/2014)

T T	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ SH
I	Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu		
1	Cổ đông lớn (Trên 5%)	56.241.448	80,3449%
2	Cổ đông nhỏ	13.758.552	19,6551%
II	Cơ cấu theo cổ đông trong nước – cổ đông nước ngoài		
1	Cổ đông trong nước	62.300.000	89%
2	Cổ đông nước ngoài	7.700.000	11%
III	Cơ cấu theo cổ đông tổ chức – cổ đông cá nhân		
1	Cổ đông tổ chức	61.895.000	88,4214%
2	Cổ đông cá nhân	8.105.000	11,5786%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Tháng 12/2014: Bộ GTVT đã thực hiện thoái toàn bộ 35% vốn nhà nước cho các nhà đầu tư

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban TGD

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2014

- Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng kết quả SXKD năm 2014 của TCT đạt và vượt chỉ tiêu đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất (tháng 4/2014) đã đề ra, cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	GT theo NQ Đại HĐCĐ lần 1	Thực hiện từ 6/6-31/12/2014	Thực hiện cả năm 2014	Tỷ lệ % so với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700.000		700.000	100%
2	Giá trị sản lượng	4.885.000	3.661.996	5.395.752	110%
3	Doanh thu	4.195.380	3.447.398	5.079.553	121%
4	Tổng chi phí	4.119.604	3.345.555	4.965.741	120%
5	Lợi nhuận trước thuế	78.880,6	101.842	113.812	144%
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.353,7	17.281	24.693	142%
7	Lợi nhuận sau thuế	61.526,9	84.561	89.119	145%
8	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	8,79%	12,08%	12,73%	145%

- **Lãnh đạo triển khai thực hiện trên 20 dự án, trong đó có nhiều dự án đòi hỏi kỹ thuật cao như:** Cầu Đông Trù, cầu Vàm Cống, cầu Vĩnh Thịnh, nhà ga T2 Nội Bài...Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhiều công trình lớn đạt và vượt tiến độ, điển hình là dự án cầu Vĩnh Thịnh (vượt tiến độ 06 tháng), cầu Đông Trù, nhà ga T2 Nội Bài...Các công trình triển khai thi công đều tuân thủ TCKT, đảm bảo chất lượng, bám tiến độ chủ đầu tư.

- Thành công trong lĩnh vực thị trường: Năm 2014 công ty mẹ đã tham gia đấu thầu và thắng thầu với giá trị 16.197 tỷ đồng trong đó phần của CIENCO1 là 5.987 tỷ đồng, tạo đủ việc làm cho năm 2015 và có gói đầu cho năm 2016.
- TCT thực sự là mũi nhọn hàng đầu trong ngành GTVT về ứng dụng tiên bộ kỹ thuật công nghệ như: Thi công lớp mặt đường NOVACHIP, công nghệ cào bóc tái chế mặt đường cũ, cầu vòm thép nhồi bê tông khẩu độ lớn, cọc khoan nhồi đường kính 2,5m dài 120m...Đặc biệt ở 02 dự án cầu Ròng và cầu Trần Thị Lý đã được Bộ xây dựng trao 02 giải thưởng "Công trình chất lượng vàng 2014".
- Đến hết năm 2014 Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn tại 17 doanh nghiệp trong đó có 13 doanh nghiệp thoái 100% vốn góp. Tổng số tiền thu về là 193.724.209.200 đồng. Tổng công ty đã hoàn thành việc thoái 35% vốn nhà nước.

Năm 2014 TCT được liên hiệp các hội KH và KT xếp hạng TOP 10 thương hiệu Việt uy tín năm 2014, TOP 10 doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ năm 2014 và được xếp hạng 125 trong TOP 500 doanh nghiệp hàng đầu VN (VNR500) do báo Việt nam Net phối hợp với công ty CP báo cáo đánh giá VN bình chọn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

- Tổng tài sản = 4.012.252.353.357 đồng, Trong đó:
- + Tài sản ngắn hạn = 3.294.907.259.308 đồng
- + Tài sản dài hạn = 717.345.094.049 đồng
- + Tài sản cố định = 216.857.330.065 đồng
- Tài sản cố định/Tổng tài sản = 5,4%
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản = 82,12%

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả = 3.232.041.814.752 đồng
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn = 80,6%

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 06/6/2014. Đến thời điểm 31/12/2014 đã thực hiện thoái hết 100% vốn nhà nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Một số chỉ tiêu chủ yếu SXKD năm 2015 và năm 2016

BẢNG CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2015 VÀ 2016

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Giá trị sản lượng	5.232.400	5.604.400
2	Doanh thu	4.409.553	4.720.624
3	Tổng chi phí	4.329.672	4.630.814
4	Lợi nhuận trước thuế	83.079,9	92.673,1
5	Thuế TNDN	18.270,5	18.534,6
6	Lợi nhuận sau thuế	64.777,4	74.138,5
7	Tỷ suất LNST/VDL	9,25%	10,59%
8	Chia cổ tức (%VDL)	8%	9%
9	Thu nhập người lao động	13,2	14,1

5. Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến Kiểm toán – không có

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của TCT

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của TCT trong năm 2014
 - Tổng công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, trong đó:
 - Sản lượng đạt 110%
 - Doanh thu đạt 121 %

- Lợi nhuận trước thuế đạt 144%
- Trả cổ tức 10% (vốn điều lệ) đạt 143%
- Vốn CSH được bảo toàn và phát triển, cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn đảm bảo cân đối; Các chỉ số khả năng thanh toán trong giới hạn cho phép.
- Các dự án đầu tư BOT đang được triển khai đạt tiến độ, hiệu quả. Dự án BOT đường tránh Tp Thanh Hóa đang tiến hành thu phí hoàn vốn, các dự án BOT Pháp Vân- Cầu Giẽ, dự án cầu Việt Trì, dự án cầu Cổ Chiên dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác thu phí trong năm 2015.
- Tổng công ty đã hoàn thiện về cơ bản hệ thống văn bản quy định về tổ chức- hoạt động, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để TCT hoạt động hiệu quả theo mô hình Công ty cổ phần.
- Tổng công ty đã thực hiện việc đăng ký Công ty đại chúng- quy mô lớn, đã thực hiện việc công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCK từ tháng 11/2014.
- Đã thực hiện thoái vốn tại 17 công ty con, công ty liên kết. Tổng số tiền thu về từ thực hiện thoái vốn là 193.8 tỷ.
- Tiếp tục chú trọng thị trường nước ngoài, ngoài việc tiếp tục duy trì mở rộng các dự án ở Lào và Campuchia, Tổng công ty đang tiếp cận thị trường ở Srilanka và Myanma.
- Công tác an sinh xã hội vì cộng đồng tiếp tục được triển khai đa dạng, có hiệu quả ở cả trong và ngoài nước, khẳng định thương hiệu “ Doanh nghiệp vì cộng đồng” và góp phần tích cực vào xây dựng, quảng bá hình ảnh, thực hiện vì cộng đồng của Cienco1.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị Tổng công ty XDCTGT1- Công ty CP và các quy định phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Ban Tổng giám đốc. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã hoạch định, xây dựng và lập kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ và báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Năm 2014, trước những diễn biến của thị trường xây dựng hạ tầng GTVT, Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã cụ thể hóa các chủ trương của ĐHĐCĐ, của HĐQT bằng những chương trình, những hành động, những giải pháp cụ thể để điều hành sản xuất kinh doanh. Công tác thị trường đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy tình hình kinh tế - xã hội, giá cả thị trường, sự cạnh tranh và khó khăn về vốn, có nhiều tác động không thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, nhưng Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã phát huy được những thuận lợi, thế mạnh của Tổng công ty, huy động mọi nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh; Đã chỉ đạo quyết liệt các dự án trọng điểm của Tổng công ty để hoàn thành đảm bảo đạt và vượt tiến độ, chất lượng. Các dự án đầu tư kinh doanh có hiệu quả, khẳng định được thương hiệu của TCT. Tình hình tài chính của TCT từng bước ổn định.

Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã bám sát chương trình đề ra, với sự đồng thuận, thống nhất, chỉ đạo quyết liệt, sát sao, đã giúp CIENCO1 đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận vì lợi ích của các cổ đông và của Tổng công ty.

Tuy nhiên, còn tồn tại lớn nhất là công tác quyết toán các dự án với Chủ đầu tư còn chậm, công tác thu hồi công nợ chưa quyết liệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2015.

Chính phủ xác định mục tiêu tổng quát năm 2015 là: *“Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tập trung tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thực hiện mạnh mẽ các đột phá chiến lược, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phấn đấu tăng trưởng cao hơn năm 2014”*.

Về hoạt động của ngành GTVT, phương châm hành động năm 2015 là: *“Đổi mới hơn nữa, quyết liệt hơn nữa, chất lượng hơn nữa, hiệu quả hơn nữa, tăng tốc hơn nữa, phát triển hơn nữa”*. Khẩu hiệu hành động của Bộ GTVT trong năm 2015 là: *“Phát huy truyền thống 70 năm đi trước mở đường, tiếp tục đổi mới, quyết liệt cải cách, vì sự hài lòng hơn của người dân và doanh nghiệp”*.

Trên cơ sở dự báo và lường đón những khó khăn, thách thức đến từ thị trường xây dựng hạ tầng GTVT, đồng thời nhận thức và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của một Tổng công ty hàng đầu trong ngành GTVT, hướng tới mục tiêu trở thành Tập đoàn xây dựng GTVT hàng đầu, có quy mô và các chỉ số đáp ứng chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đồng thời tích cực triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, HĐQT CIENCO1 xác định trọng tâm chỉ đạo điều hành năm 2015 như sau:

- Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông lần đầu (29/4/2014) và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2015.
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hoàn thiện thể chế hoạt động của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện các quy định nội bộ, các cơ chế đảm bảo sự vận hành của toàn TCT theo đúng quy định của Pháp luật và tiệm cận với thông lệ quốc tế, phù hợp với thực tiễn môi trường hoạt động tại Việt Nam;
- Tăng cường năng lực tài chính bằng việc thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ thông qua việc bán cổ phần cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước (nhà đầu tư tài chính, nhà đầu tư chiến lược), cho các cổ đông hiện hữu; thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu;
- Bám sát diễn biến của thị trường, thực hiện thoái vốn các doanh nghiệp theo từng giai đoạn, đảm bảo lộ trình đã được phê duyệt;
- Tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giám sát triển khai đề án tái cơ cấu các công ty con, công ty liên kết;
- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác phát triển nguồn nhân lực; hoàn thiện khung chương trình đào tạo theo chức danh, xây dựng khung năng lực và hoàn thiện tiêu chí đánh giá cán bộ toàn diện, đồng bộ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương theo vị trí công việc...
- Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, nhất là các dự án phải hoàn thành trong năm 2015 và các dự án có tiến độ gấp. Chỉ đạo đảm bảo an toàn tuyệt đối trong thi công

ở các dự án.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư các công trình hạ tầng giao thông. Quản lý chặt chẽ các dự án đã đầu tư BOT, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Tăng cường công tác thị trường, mở rộng phạm vi hoạt động trong và ngoài nước, nhằm tạo đủ quỹ công việc cho năm 2015 và các năm tiếp theo.
- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thanh toán thu hồi công nợ từ các nguồn vốn.
- Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, hướng tới phát triển sản xuất theo chiều sâu, tăng năng suất lao động có tính bền vững. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tối đa năng lực thiết bị thi công, các công nghệ và nguồn đầu tư của TCT để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, chiếm lĩnh thị trường. Luôn đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến vào trong hoạt động SXKD.
- Rà soát các quy định hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và tiến hành thực hiện giao dịch niêm yết từ ngày 01/10/2015. Trong trường hợp không đủ điều kiện niêm yết thì chuyển sang giao dịch UPCOM từ ngày 01/10/2015.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ SH cổ phần có quyền biểu quyết		Số lượng chức danh HĐQT tại DN khác	Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Phạm Dũng	CT HĐQT	36.900	0,0527%	02	
2	Nguyễn Ngọc Hòa	PCT HĐQT	7.000	0,01%	01	
3	Cần Hồng Lai	UVH ĐQT, TGD	4.100	0,0059%	02	
4	Phạm Việt Khoa	UV HĐQT	-	-	03	

Ghi chú: Ông Nguyễn Văn Bảo chuyển công tác, thôi không tham gia HĐQT TCT từ ngày 07/10/2014.

- Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có
- Hoạt động của HĐQT

Năm 2014, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (CIENCO1) đã tổ chức 16 cuộc họp. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty đã tổ chức thực hiện tổng cộng 48 đợt lấy ý kiến các thành viên HĐQT đối với các nội dung không cần thiết phải tổ chức cuộc họp trực tiếp để giảm chi phí. HĐQT CIENCO1 đã ban hành tổng cộng 145 văn bản, trong đó có 11 Nghị quyết, 134 Quyết định để quản lý hoạt động của TCT.

- Các Nghị quyết/ quyết định của HĐQT – (Xem phụ lục đính kèm)
- d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.
 - Ông Phạm Việt Khoa: Tham gia chỉ đạo công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế, chỉ đạo mở rộng và phát triển công nghệ xử lý nền móng và công trình ngầm. Tham gia công tác đầu tư các dự án BOT, PPP của Tổng công ty.
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Tổng công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.
- f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Ông Phạm Việt Khoa (Cấp chứng chỉ tháng 12/2014).
- 2. Ban Kiểm soát:
 - a. Thành viên và cơ cấu của BKS

TT	Họ và Tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Cơ cấu
		Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Văn Long	27.880	0,0398%	Trưởng BKS
2	Nguyễn Mạnh Tiến	23.000	0,0329%	KSV
3	Vũ Việt Hùng	-	-	KSV

- b. Hoạt động của BKS năm 2014.
 - * Các công tác đã thực hiện năm 2014.
 - Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị của Tổng công ty.
 - Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Tổng công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty năm 2014, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2014 theo các quy định của pháp luật và của Tổng công ty.
 - + Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong năm.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

- + Thẩm tra các Báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - + Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tổng công ty theo các quy định của pháp luật.
 - * Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT.
 - Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Tổng công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm.
 - Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp theo quy định của pháp luật và Tổng công ty. Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty như sau:
 - + Ban hành các quy chế hoạt động của Tổng công ty: Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế quản trị Tổng công ty; Quy chế hoạt động của ban TGD; Quy chế tiền lương của TCT; Quy chế phối hợp giữa tổ chức cơ sở Đảng với HĐQT và TGD; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, Quy chế tổ chức.
 - + Ban hành các quyết định phê duyệt tổ chức bộ máy của Công ty mẹ.
 - + Ban hành các quyết định bổ nhiệm và chấp thuận bổ nhiệm các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý tại công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các ban điều hành dự án.
 - + Phê duyệt các thủ tục liên quan đến triển khai thực hiện Dự án đầu tư.
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Tổng công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông;
- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- * Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc
 - Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2014, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp gặp nhiều khó khăn do sự phục hồi kinh tế từ cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra rất chậm. Tổng giám đốc Tổng công ty cùng với Ban hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập bình quân của người lao động... theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đạt mức tăng trưởng rất cao so với năm 2013 và các năm trước.

Ban Tổng giám đốc cũng chỉ đạo Tổng công ty thực hiện tốt công tác đấu thầu, đảm bảo trúng thầu cao, đảm bảo sản lượng, doanh thu cho năm 2015 và các năm tiếp theo.

- Công tác tài chính: Công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ đạt khá cao với tỷ lệ tiền thu về cao nhất từ trước đến nay, tại thời điểm 31/12/2014 tiền và các khoản tương đương tiền là 693 tỷ đồng, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 176 tỷ đồng đảm bảo luôn đáp ứng về tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng công ty cũng luôn duy trì được số dư tiền vay ngân hàng ở tỷ lệ thấp (Số dư bình quân vay ngắn hạn chỉ ở mức gần 170 tỷ đồng/ doanh thu trên 5.079 tỷ đồng, sản lượng xấp xỉ 5.396 tỷ đồng), góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã đề nghị Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự của Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý điều hành của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay.
- * Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014.
- Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:
- + Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ và hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- + Báo cáo tài chính năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế, là một trong ba đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- + Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Tổng công ty XDCTGT1-Công ty CP tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2014, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 (Số liệu cả năm 2014)

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2014 như sau:

- + Tổng sản lượng: 5.395.752 trđ
- + Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 5.079.553 trđ
- + Tổng chi phí: 4.965.741 trđ
- + Lợi nhuận trước thuế: 113.812 trđ
- + Cổ tức: 70.000 trđ (=10% vốn góp)

Căn cứ vào các kết quả tổng hợp nêu trên, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, trong đó: Giá trị sản lượng đạt 110%, doanh thu đạt 121%, lợi nhuận trước thuế đạt 144%, cổ tức (dự kiến 10% vốn góp) đạt 143% .

3. Các giao dịch, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng (từ tháng 5÷ tháng 12/2014)

(Đơn vị tính: Đồng)

T T	Họ và tên	Chức danh	Lương và thù lao trung bình (đồng/người/tháng)			Tổng thu nhập
			Tiền lương	Thù lao	Cộng	
1	Phạm Dũng	Chủ tịch HĐQT	49.715.909		49.715.909	397.727.272
2	Cần Hồng Lai	UV HĐQT – TGD	39.772.727	5.000.000	44.772.727	358.181.816
3	Nguyễn Ngọc Hòa	Phó chủ tịch HĐQT –Phó TGD		5.000.000	5.000.000	40.000.000
4	Phạm Văn Khoa	UV HĐQT		5.000.000	5.000.000	40.000.000
5	Lê Văn Long	TBKS	29.829.545		29.829.545	238.636.363
6	Nguyễn Mạnh Tiến	Thành viên BKS	20.505.681	3.000.000	23.505.681	188.045.448
7	Vũ Việt Hùng	Thành viên BKS		3.000.000	3.000.000	24.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Phạm Dũng		6.900	0,0099	36.900	0,0527	Mua
2	Nguyễn Văn Bảo		7.400	0,0106	29.780	0,0425	Mua
3	Hồ Sỹ Hòa		6.900	0,0099	29.280	0,0418	Mua
4	Nguyễn Trường Long		2.700	0,0039	25.080	0,0358	Mua
5	Lê Văn Long		5.500	0,0079	27.880	0,0398	Mua
6	Nguyễn Mạnh Tiến		7.000	0,01	23.000	0,0329	Mua

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Công ty CP Hạ tầng Fecon	Cổ đông lớn	0	0	4.737.914	6,77	Mua

VI. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

1. Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP: *Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.*

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- Báo cáo tài chính hợp nhất: Xem phụ lục đính kèm.
- Báo cáo tài chính công ty mẹ: Truy cập website của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (www.cienco1.com – chuyên mục Quan hệ cổ đông) hoặc trên cổng thông tin điện tử của UBCK nhà nước (www.ssc.gov.vn)

Nơi nhận: 

- UBCK NN;
- HĐQT TCT (B/c);
- Ban kiểm soát (để biết);
- Tổng giám đốc;
- Website TCT;
- Lưu: VP, QHCD.



PHỤ LỤC 01: CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1		29/04/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất
2	0614/2014/NQ-HĐQT	12/06/2014	Phiên họp ngày 12/6/2014
3	0654/2014/NQ-HĐQT	30/06/2014	Tham gia thành lập doanh nghiệp (Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC) để đầu tư các dự án
4	0670/2014 /NQ-HĐQT	07/07/2014	Tham gia góp vốn và cử người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty trong Liên danh Minh Phát – CIENCO1 – Phương Thành
5	0765/2014/NQ-HĐQT	21/07/2014	Phiên họp ngày 11/7/2014
6	0958/2014/NQ-HĐQT	28/08/2014	Góp vốn thành lập Doanh nghiệp và cử người đại diện phần vốn góp (Công ty CP Công trình ngầm Fecon)
7	1013/2014/NQ-HĐQT	16/09/2014	Phiên họp ngày 10/9/2014
8	1168/2014/NQ-HĐQT	27/10/2014	Phê duyệt chủ trương Ký hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao Dự án đầu tư xây dựng công trình QL1A đoạn tránh TP Phú Lý theo hình thức hợp đồng BOT
9	1171/2014/NQ-HĐQT	27/10/2014	Ông Nguyễn Văn Bảo không tham gia HĐQT TCT nhiệm kỳ 2014 – 2019
10	1206/2014/NQ-HĐQT	31/10/2014	Ký hợp đồng tư vấn thoái vốn nhà nước tại TCT với Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)
11	1208/2014/NQ-HĐQT	31/10/2014	Ký hợp đồng tư vấn thoái vốn trong các Công ty QL và SCDB của TCT với Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

PHỤ LỤC 02: CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

TT	Số và ký hiệu	Ngày	Trích yếu nội dung
1	251/QĐ-HĐTV-TCT	08/05/2014	Ông Lê Văn Long thôi giữ chức KTT
2	252/QĐ-HĐTV-TCT	08/05/2014	Bổ nhiệm ông Võ Thành Công giữ chức KTT
3	253/QĐ-HĐTV-TCT	12/05/2014	Thanh lý 3 xe ô tô cũ
4	263/QĐ-HĐQT-TCT	14/05/2014	Chấp thuận điều động và bổ nhiệm cán bộ
5	277/QĐ-HĐQT-TCT	15/05/2014	Thu quản lý phí và phân giao nhiệm vụ cho các đơn vị thi công tại dự án đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, gói thầu EX1B
6	279/QĐ-HĐTV-TCT	16/05/2014	Thành lập Hội đồng biên tập sách 50 năm truyền thống của TCT
7	280/QĐ-HĐTV-TCT	16/05/2014	Thành lập Ban biên tập sách 50 năm truyền thống của TCT
8	281/QĐ-HĐQT-TCT	16/05/2014	Thành lập Tổ cộng tác viên của Ban biên tập sách 50 năm truyền thống của TCT
9	297/QĐ-HĐQT-TCT	22/05/2014	Phân chia công việc thực hiện gói thầu số 7, dự án xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam, đoạn Đà Nẵng – Quảng Ngãi (Km52+000 – Km65+000)
10	304/QĐ-HĐTV-TCT	02/06/2014	Cử ông Phạm Dũng là người đại diện phần vốn góp và tham gia HĐQT tại Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC
11	334/QĐ-HĐQT-TCT	23/06/2014	Phân chia công việc thực hiện gói thầu NG5 xây lắp nút giao IC9 (Km66+000 thuộc gói thầu A3, dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai
12	340/QĐ-HĐQT-TCT	26/06/2014	Mua ô tô phục vụ công tác quản lý điều hành SXKD của TCT
13	343/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Phạm Dũng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
14	344/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Cấn Hồng Lai giữ chức vụ TGĐ
15	345/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Lê Văn Long giữ chức vụ TBKS
16	346/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Trường Long giữ chức vụ PTGD

17	347/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Phạm Quảng Dương giữ chức vụ PTGD
18	348/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Bảo giữ chức vụ PTGD
19	349/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Hồ Sỹ Hòa giữ chức vụ PTGD
20	350/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Thắng giữ chức vụ PTGD
21	351/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Lê Văn Dân giữ chức vụ GD Công ty TCCG1
22	352/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Hòa giữ chức vụ GD Công ty XD123
23	353/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Đào Việt Tiến giữ chức vụ GD Xí nghiệp Cầu 17 – CIENCO1
24	354/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Trần Trung Thành giữ chức vụ GD Xí nghiệp cầu 18 – CIENCO1
25	355/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Huỳnh Quang Tuấn giữ chức vụ GD Chi nhánh TP HCM
26	356/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Đồng Xuân Trường giữ chức vụ GD XN Xây dựng công trình - CIENCO1
27	357/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Đặng Hữu Sáng giữ chức vụ GD Chi nhánh Campuchia
28	358/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Tiến Hùng giữ chức vụ GD Chi nhánh Tây Nguyên
29	359/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Võ Thành Công giữ chức vụ KTT
30	360/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Đỗ Hoàng Lê giữ chức vụ GD Công ty CULĐQT và DV
31	361/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hoàn giữ chức vụ Giám đốc - Hiệu trưởng Trường TCNCT1
32	362/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chấp thuận bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của TGD
33	381/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi XN cầu 17 thành chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
34	382/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi Công ty XD123 thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
35	383/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi XN Cầu 18 thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
36	384/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi XN XDCT thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP

37	385/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi Công ty CULĐQT và DV thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
38	386/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi Công ty TCCG1 thành Công ty TCCG1 - Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
39	387/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi Chi nhánh Tây Nguyên thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
40	388/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi Trường TCNCT1 thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
41	389/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Chuyển đổi Chi nhánh TCT tại TP HCM thành Chi nhánh TCT XDCTGT1 – Công ty CP
42	390/QĐ-HĐQT-TCT	30/06/2014	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT TCT
43	391/QĐ-HĐQT-TCT	02/07/2014	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban TGD TCT
44	392/QĐ-HĐQT-TCT	02/07/2014	Thành lập Ban chỉ đạo thi công dự án cầu Đông Trù
45	401/QĐ-HĐQT-TCT	07/07/2014	Ban hành Quy chế Quản trị TCT
46	402/QĐ-HĐQT-TCT	07/07/2014	Góp vốn và cử người đại diện vào Công ty CP BOT Pháp Vân – cầu Giẽ
47	424/QĐ-HĐQT-TCT	22/07/2014	Ban hành quy trình thoái vốn của TCT
48	426/QĐ-HĐQT-TCT	22/07/2014	Thành lập Ban Thẩm định đề tài khoa học và dự án đầu tư của TCT
49	427/QĐ-HĐQT-TCT	22/07/2014	Phê duyệt mức lương đối với các chức danh quản lý của TCT
50	448/QĐ-HĐQT-TCT	25/07/2014	Giải chấp bảo lãnh tạm ứng cho Công ty CP Hassyu VN trong thi công gói thầu CW3A, dự án cầu Vàm Cống
51	449/QĐ-HĐQT-TCT	25/07/2014	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị trực thuộc TCT
52	474/QĐ-HĐQT-TCT	25/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của Công ty TCCG1
53	539/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Chấp thuận bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Hòa
54	541/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của XN Cầu 17
55	542/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của XN Cầu 18
56	543/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của XN XDCT
57	544/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của Công ty CULĐQT và DV
58	545/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của Chi nhánh tại TP HCM

59	546/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của Chi nhánh Tây Nguyên
60	547/QĐ-HĐQT-TCT	31/07/2014	Phê duyệt đề án tổ chức nhân sự của Trường TCNCT1
61	551/QĐ-HĐQT-TCT	07/08/2014	Thành lập HĐ Thi đua khen thưởng TCT
62	555/QĐ-HĐQT-TCT	14/08/2014	Mua xe ô tô phục vụ công tác QLDH khu vực phía Nam và cầu Vàm Cống của TCT
63	556/QĐ-HĐQT-TCT	14/08/2014	Giao nhiệm vụ cho ông Lê Trọng Thiện kiêm nhiệm chức vụ GD BDHDA Pháp Vân – Cầu Giẽ
64	564/QĐ-HĐQT-TCT	15/08/2014	Thành lập Ban tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng của TCT
65	565/QĐ-HĐQT-TCT	19/08/2014	Cử người đại diện và người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung phần vốn góp của TCT tại các doanh nghiệp
66	566/QĐ-HĐQT-TCT	19/08/2014	Cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty 128
67	567/QĐ-HĐQT-TCT	19/08/2014	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty 128
68	574/QĐ-HĐQT-TCT	26/08/2014	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty 128
69	583/QĐ-HĐQT-TCT	29/08/2014	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ của Công ty 123
70	585/QĐ-HĐQT-TCT	29/08/2014	Phê duyệt đề án tổ chức, nhân sự của Công ty XD 123
71	604/QĐ-HĐQT-TCT	29/08/2014	Cử ông Đỗ Đình Nghị là người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP xây dựng công trình ngầm Fecon
72	613/QĐ-HĐQT-TCT	08/09/2014	Chấp thuận cho ông Bùi Mạnh Hùng chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng lao động.
73	617/QĐ-HĐQT-TCT	11/09/2014	Thanh lý xe ô tô ISUZU 52S-6585 và mua mới 01 xe ô tô Toyota Fortuner phục vụ SXKD của Chi nhánh TCT tại TP HCM
74	618/QĐ-HĐQT-TCT	11/09/2014	Mua xe ô tô phục vụ nhiệm vụ SXKD của Công ty CULĐQT và DV
75	623/QĐ-HĐQT-TCT	16/09/2014	Thành lập tổ thoái vốn thuộc TCT
76	625/QĐ-HĐQT-TCT	17/09/2014	Thoái vốn tại Công ty CP Cầu đường 10
77	626/QĐ-HĐQT-TCT	17/09/2014	Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Hòa giữ chức vụ PTGD
78	627/QĐ-HĐQT-TCT	17/09/2014	Giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Ngọc Hòa

79	629/QĐ-HĐQT-TCT	19/09/2014	Chấp thuận cho ông Hồ Sỹ Hòa chấm dứt hợp đồng lao động.
80	634/QĐ-HĐQT-TCT	30/09/2014	Chấp thuận bổ nhiệm ông Cấn Minh Đức
81	637/QĐ-HĐQT-TCT	30/09/2014	Phê duyệt đơn vị định giá Công ty CP Cầu 14
82	641/QĐ-HĐQT-TCT	02/10/2014	Thành lập Ban chỉ đạo thi công cầu Vàm Cống
83	643/QĐ-HĐQT-TCT	03/10/2014	Chấp thuận bổ nhiệm ông Trương Việt Anh giữ chức vụ PGĐ Công ty TCCG1
84	646/QĐ-HĐQT-TCT	06/10/2014	Ban hành quy chế phối hợp giữa tổ chức Đảng với HĐQT, Tổng giám đốc TCT XDCTGT1 – Công ty CP
85	647/QĐ-HĐQT-TCT	06/10/2014	Phê duyệt phương án chào bán cổ phần tại Công ty CPXM Chiềng Sinh
86	662/QĐ-HĐQT-TCT	15/10/2014	Thoái vốn tại Công ty CP Cầu 14
87	663/QĐ-HĐQT-TCT	15/10/2014	Thoái vốn tại Công ty CP đường bộ 226
88	664/QĐ-HĐQT-TCT	15/10/2014	Thoái vốn tại Công ty CP 116
89	665/QĐ-HĐQT-TCT	15/10/2014	Thoái vốn tại Công ty CP ĐT và XDCT Thủy
90	666/QĐ-HĐQT-TCT	15/10/2014	Chấp thuận bổ sung 01 PGĐ và bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ phó GD XN Cầu 18
91	668/QĐ-HĐQT-TCT	20/10/2014	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty 121
92	669/QĐ-HĐQT-TCT	20/10/2014	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn đầu tư XDCT 1
93	670/QĐ-HĐQT-TCT	20/10/2014	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Cty CP Cầu 12
94	671/QĐ-HĐQT-TCT	21/10/2014	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Cầu 12
95	672/QĐ-HĐQT-TCT	21/10/2014	Ủy quyền cho ông Đỗ Đình Nghị - đại diện phần vốn góp tại Công ty Cầu 12
96	673/QĐ-HĐQT-TCT	21/10/2014	Ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Hải - đại diện phần vốn góp tại Công ty 121
97	674/QĐ-HĐQT-TCT	21/10/2014	Ủy quyền cho ông Đặng Thanh Bình - đại diện phần vốn góp tại Công ty Cầu 12
98	675/QĐ-HĐQT-TCT	21/10/2014	Ủy quyền cho ông Phan Quốc Trinh - đại diện phần vốn góp tại Công ty 121
99	681/QĐ-HĐQT-TCT	24/10/2014	Chấp thuận bổ nhiệm Giám đốc BDH gói thầu XL05 xây dựng cầu sông Chanh

100	687/QĐ-HĐQT-TCT	28/10/2014	Đầu tư sửa chữa, mua sắm hệ thống thiết bị phòng họp, phòng làm việc và hệ thống bảng điện tử tại trụ sở cơ quan TCT
101	689/QĐ-HĐQT-TCT	29/10/2014	Phê duyệt Doanh nghiệp dự án tiếp nhận và thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình QL 1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý và tăng cường mặt đường QL 1 đoạn Km215+775+Km235+885, tỉnh Hà Nam theo hình thức hợp đồng BOT
102	693/QĐ-HĐQT-TCT	31/10/2014	Thoái vốn tại Công ty CP XDCT giao thông 244
103	699/QĐ-HĐQT-TCT	06/11/2014	Cử CBNV tham gia triển lãm tại Hoa Kỳ
104	700/QĐ-HĐQT-TCT	06/11/2014	Phê duyệt kế hoạch thực hiện thoái vốn ở các doanh nghiệp, (lộ trình 2014 – 2015)
105	701/QĐ-HĐQT-TCT	07/11/2014	Thành lập Hội đồng kỷ luật của TCT
106	702/QĐ-HĐQT-TCT	07/11/2014	Thành lập phòng Thị trường thuộc cơ quan TCT
107	703/QĐ-HĐQT-TCT	07/11/2014	Thành lập phòng Kế hoạch thuộc cơ quan TCT
108	704/QĐ-HĐQT-TCT	07/11/2014	Thành lập phòng Đầu tư phát triển thuộc cơ quan TCT
109	707/QĐ-HĐQT-TCT	10/11/2014	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ cơ quan TCT
110	715/QĐ-HĐQT-TCT	13/11/2014	Chào bán cổ phần của TCT tại Công ty CP đường bộ 240
111	716/QĐ-HĐQT-TCT	15/11/2014	Cam kết các nội dung liên quan đến thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu Việt Trì mới theo hình thức BOT
112	718/QĐ-HĐQT-TCT	20/11/2014	Chấp thuận thực hiện thu và quản lý phí gói thầu 04, 05 – dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân – Cầu Giẽ, TP Hà Nội, theo hình thức BOT
113	719/QĐ-HĐQT-TCT	20/11/2014	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Đội trưởng đội công trình thuộc XN Cầu 18
114	721/QĐ-HĐQT-TCT	20/11/2014	Kiện toàn Hội đồng Thi đua khen thưởng TCT
115	727/QĐ-HĐQT-TCT	21/11/2014	Phê duyệt Quy chế Tiền lương TCT
116	729/QĐ-HĐQT-TCT	21/11/2014	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Giám đốc Ban ĐHDA
117	730/QĐ-HĐQT-TCT	24/11/2014	Thành lập tổ cung cấp thông tin của TCT
118	731/QĐ-HĐQT-TCT	24/11/2014	Ban hành Quy chế Tổ chức của TCT
119	733/QĐ-HĐQT-TCT	24/11/2014	Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ của TCT
120	739/QĐ-HĐQT-TCT	28/11/2014	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó chánh văn phòng TCT

121	747/QĐ-HĐQT-TCT	02/12/2014	Chủ trương tham gia đầu tư dự án cầu Bạch Đằng, đường dẫn và nút giao cuối tuyến theo hình thức hợp đồng BOT
122	749/QĐ-HĐQT-TCT	05/12/2014	Thoái vốn tại Công ty CP đường bộ 224
123	750/QĐ-HĐQT-TCT	05/12/2014	Thoái vốn tại Công ty CP đường bộ 232
124	751/QĐ-HĐQT-TCT	05/12/2014	Thoái vốn tại Công ty CP ĐTXD và TM du lịch (Trading)
125	753/QĐ-HĐQT-TCT	09/12/2014	Chấp thuận danh mục tài sản cần mua lại của SCIC sau CPH
126	755/QĐ-HĐQT-TCT	09/12/2014	Chấp thuận bổ nhiệm quyền Giám đốc Công ty XD123
127	757/QĐ-HĐQT-TCT	12/12/2014	Kiến toàn Ban Thẩm định đề tài khoa học và dự án đầu tư của TCT
128	767/QĐ-HĐQT-TCT	22/12/2014	Giao thầu và thu phí quản lý xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía đông TP HCM
129	768/QĐ-HĐQT-TCT	22/12/2014	Chấp thuận bổ nhiệm Giám đốc BĐH dự án xây dựng cầu Long Bình - Chrey Thom Campuchia
130	779/QĐ-HĐQT-TCT	24/12/2014	Thu phí quản lý và phân giao nhiệm vụ thi công cho các đơn vị tại gói thầu XL05 cầu sông Chanh
131	786/QĐ-HĐQT-TCT	26/12/2014	Thành lập Hội đồng lương TCT
132	789/QĐ-HĐQT-TCT	29/12/2014	Chấp thuận cho ông Trần Văn Giàu – PGĐ Công ty TCCG1 chấm dứt hợp đồng lao động
133	790/QĐ-HĐQT-TCT	29/12/2014	Chào bán cổ phần của TCT tại Công ty CP ĐB 240
134	791/QĐ-HĐQT-TCT	29/12/2014	Chào bán cổ phần của TCT tại Công ty CP ĐB 242

TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
623 La Thành - Ba Đình - Hà Nội

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm 31/12/2014

TT	Tên doanh nghiệp thoái vốn	Địa chỉ	Lĩnh vực KD chính	Vốn điều lệ DN (tr.đ)	Vốn góp của Tổng công ty	
					Giá trị (đồng)	% Vốn ĐL
I	CÔNG TY CON			138,037	81,738,772,000	
1	Công ty CP XDCT&ĐT 120	Số 622 đường Hà Huy Tập, tt Yên Viên, Gia Lâm, HN	Xây dựng công trình giao thông,....	18,000	10,462,562,000	58.12%
2	Công ty CP TVTN CTGT 1 - Cienco I	33D, Cát Linh, Đống Đa, HN	Tư vấn về thi nghiệm công trình giao thông,....	8,000	4,080,000,000	51.00%
3	Công ty CP Cầu 12 - Cienco I	463 đường Nguyễn Văn Linh, Phúc Đồng, Long Biển, HN	Xây dựng cầu,...	48,500	24,541,000,000	50.60%
4	Công ty CP CKXD 121 - Cienco I	Số 2, đường Ngọc Lâm, Ngọc Lâm, Long Biên, HN	Sản xuất cơ khí, xây dựng cầu	12,637,224	6,419,710,000	50.80%
5	Công ty CP Đường bộ 240 - Cienco I	Km10, quốc lộ, Dương Xá, Gia Lâm, HN	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường bộ	20,700	16,715,500,000	80.75%
6	Công ty CP Đường bộ 242 - Cienco I	Số 08 đường Hoàng Sào, tt phố Lu, huyện Bảo Thắng, Lào Cai	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường bộ	13,000	7,854,000,000	60.49%
7	Công ty CP Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco I	Số 24, ngõ 55 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, HN	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường bộ	17,200	11,666,000,000	67.82%
II	CÔNG TY LIÊN KẾT			788,110	138,541,721,760	
I	Công ty CP Cầu 14 - Cienco I	144/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, HN	Xây dựng cầu,...	60,000	15,026,000,000	25.045%
2	Công ty CP TVĐT XDCT I (Đak Lak) - Cienco I	5/8 Cù Chính Lan, BMT, Đắk Lắk	Tư vấn thiết kế xây dựng công trình giao thông...	4,500	2,205,000,000	49.00%
3	Công ty CP ĐT&XD 125 - Cienco I	168 đường Thành Thái, phường Đồng Thọ, TP Thanh Hoá	Sản xuất vật liệu xây dựng	3,500	1,715,000,000	49.00%
4	Công ty CP ĐT&XDHT Alphanam	Tầng 3B, toà nhà 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, HN		120,000	3,969,905,831	3.30%
5	Công ty CP XDCT I	Số 77, tổ 23, phường Long Biên, Long Biên, HN	Xây dựng cầu,....	10,000	4,900,000,000	49.00%
6	Công ty CP TVĐT & XDVN (Vinacico)	Tầng 15, Số 169 toà nhà đa năng Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hoà, Cầu Giấy, HN	Tư vấn thiết kế cầu đường	9,995	2,590,000,000	25.91%
7	Công ty CP SXVL & XDCT I	Ngõ Đình làng Giao Quang, xã Đại Mỹ, Từ Liêm, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	7,801	2,571,000,000	32.96%
8	Công ty CP ĐTTM & XDGT I (Trico)	Số 548 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, HN	Xây dựng cầu đường	69,000	4,060,000,000	5.88%
9	Công ty CP ĐT&XDCT 134	Số 17, ngõ 575, Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, HN	Xây dựng cầu đường	35,000	5,690,740,000	16.26%
10	Công ty CP SXVL & XDCT 119 - Cienco I	Tổ 13, TT Đông Anh, huyện Đông Anh, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	2,310.10	586,812,929	25.40%

11	Công ty CP ĐT XD & TMDL - Cienco I	278 Hàng Bột, Đống Đa, HN	Kinh doanh XNK vật tư, thiết bị, kinh doanh thương mại dịch vụ, du lịch, nhà hàng, khách sạn	6,004	1,000,000,000	16.66%
12	Công ty CP XDGT & TM 124	Km 12+500, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, HN	Xây dựng đường bộ	15,000	7,200,000,000	48.00%
13	Công ty CP TVĐT XDCTGT 1 - Cienco I	Số 2, ngách 34/4, ngõ 34, đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, HN	Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông	7,000	3,220,000,000	46.00%
14	Công ty CP ĐT & XDCT 128 - Cienco I	Số 24, phố Ao Sen, phường Mộ Lao, Hà Đông, HN	Xây dựng đường bộ	10,000	4,800,000,000	48.00%
15	Công ty CP phát triển ĐT&XD 115 - Cienco I	Số 204, tầng 2, toà nhà CC 18T Hoàng Đạo Thuý, Thanh Xuân, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	6,000	1,263,234,000	21.05%
16	Công ty CP XDCT Giao thông 189 - Cienco I	Số 234 Ung Văn Khiêm, P25, Quận Bình Thạnh, TP HCM	Xây dựng công trình giao thông,...	50,000	5,000,000,000	10.00%
17	Công ty CP DTXD - Cienco I (CIC)	Tầng 5, 623 La Thành, HN	Xây dựng dân dụng	7,000	2,350,000,000	33.57%
18	Công ty CP Xi Măng Mai Sơn	Tiểu khu Thành Công, xã Nà Pồ, huyện Mai Sơn, đường tỉnh lộ 110, km số 5, tỉnh Sơn La	Sản xuất Xi măng	235,000	57,494,029,000	24.47%
19	Công ty IMICO - Cienco I	Tầng 8, toà nhà MITEC, lô E2, KĐT mới Cầu Giấy, Yên Hoà, Cầu Giấy, HN	Xây dựng cầu đường	120,000	8,400,000,000	7.00%
20	Công ty CP XDCT 15 - Cienco I	Xóm 1A, cụm 11, Đông Ngạc, Từ Liêm, HN	Xây dựng công trình giao thông	10,000	4,500,000,000	45.00%
III	CÔNG TY BOT			2,864,225	513,872,580,000	
1	Công ty CP B.O.T Đường tránh Thanh Hóa	Tầng 2, tháp The Manor Mỹ Đình, Mỹ Trì, Từ Liêm, HN	Xây dựng, khai thác đường	137,044	21,050,000,000	15.35%
2	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (Liên danh Cienco I - Tuấn Lộc)	Số 362/14 đường Ung Văn Khiêm, P25, quận Bình Thạnh, TP HCM	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	190,000	49,400,000,000	26.00%
3	Công ty CP BOT cầu Việt Trì (Cienco I - Yên Khánh - Thái Sơn)	Tầng 4, toà nhà LICOGI 13, số 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	265,000	53,000,000,000	20.00%
4	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC (Fecon - Conteccons - Cienco I)	Tầng 2, tháp CEO, lô H112-1, KĐT Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, HN	Xây dựng công trình ngầm	369,000	92,250,000,000	25.00%
5	Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ (Liên danh Minh Phát - Cienco I - Phương Thành)	Tầng 6, toà nhà Minh Tân, số 137C, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, HN	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, khai thác và chuyển giao đường	823,181	148,172,580,000	18.00%
6	Công ty BOT tuyến tránh Phú Lý	Phủ Lý - Hà Nam	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	280,000	70,000,000,000	25.00%
7	Công ty BOT Cầu Bạch Đằng	Tầng 5, 623 La Thành, HN	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	800,000	80,000,000,000	10.00%
	TỔNG CỘNG			3,790,372	734,153,073,760	



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hăng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 -3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 -5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 29 tháng 04 năm 2014 gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Phạm Dũng	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Cấn Hồng Lai	Ủy viên Hội đồng thành viên
Ông Phạm Quảng Dương	Ủy viên Hội đồng thành viên
Ông Lê Văn Long	Ủy viên Hội đồng thành viên
Ông Hồ Sỹ Hòa	Ủy viên Hội đồng thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cấn Hồng Lai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sỹ Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Sinh	Phó Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 30 tháng 04 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Cấn Hồng Lai	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2014)
Ông Phạm Ngọc Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cấn Hồng Lai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sỹ Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 09 năm 2014)
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 09 năm 2014)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 134.03/2015/BCKT - IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1- Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài
chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.288.480.813.385	4.370.840.351.481
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	846.678.829.415	485.036.264.805
1. Tiền	111		662.134.124.427	317.453.599.411
2. Các khoản tương đương tiền	112		184.544.704.988	167.582.665.394
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		181.694.857.382	57.780.058.671
1. Đầu tư ngắn hạn	121		181.694.857.382	57.780.058.671
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.135.472.972.471	2.418.314.016.087
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	1.498.420.914.295	1.664.053.408.752
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	485.060.332.800	436.056.444.701
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		54.447.628.560	215.327.854.666
4. Các khoản phải thu khác	135		144.509.745.193	156.592.032.743
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(46.965.648.377)	(53.715.724.775)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	923.523.105.032	1.135.368.098.692
1. Hàng tồn kho	141		923.523.105.032	1.135.368.098.692
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		201.111.049.085	274.341.913.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.699.656.765	34.711.778.359
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.377.146.114	33.692.409.629
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		916.024.511	571.485.682
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		148.118.221.695	205.366.239.556
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		716.994.718.501	1.224.633.752.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		104.687.000	104.687.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		104.687.000	104.687.000
II. Tài sản cố định	220		302.845.298.795	792.224.315.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	228.031.918.669	692.035.858.656
- Nguyên giá	222		661.744.302.702	1.403.168.368.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.712.384.033)	(711.132.509.508)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		3.657.359.307	3.657.359.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.657.359.307)	(3.657.359.307)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	13.829.060.080	14.842.835.305
- Nguyên giá	228		15.468.389.968	16.250.198.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.639.329.888)	(1.407.362.863)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	60.984.320.046	85.345.621.278
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		321.174.676.305	237.008.055.466
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	255.140.799.647	197.054.953.973
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	66.033.876.658	40.390.704.087
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(437.602.594)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		82.568.802.412	195.296.695.257
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		80.684.106.371	191.032.726.575
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.884.696.041	4.263.968.682
V. Lợi thế thương mại	269		10.301.253.989	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.005.475.531.886	5.595.474.104.443

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.143.569.929.180	4.982.677.643.274
I. Nợ ngắn hạn	310		4.091.389.731.432	4.348.261.576.763
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	301.836.067.310	562.378.447.906
2. Phải trả người bán	312	V.11	1.468.195.013.127	1.598.754.471.498
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.372.810.772.205	644.244.669.181
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	265.323.449.898	271.902.186.905
5. Phải trả người lao động	315		67.300.387.033	132.357.836.550
6. Chi phí phải trả	316		198.761.255.911	254.510.735.607
7. Phải trả nội bộ	317		61.620.355.073	342.852.269.334
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		346.437.394.325	523.419.938.657
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.415.476.760	17.418.760.674
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.689.559.790	422.260.451
II. Nợ dài hạn	330		52.180.197.748	634.416.066.511
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	7.071.388.925
2. Phải trả dài hạn khác	333		31.845.143.470	45.713.372.842
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	18.942.473.186	441.532.445.145
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.298.281.578	139.960.523.697
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		94.299.514	138.335.902
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		789.795.486.797	437.938.190.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	789.795.486.797	437.938.190.034
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	337.769.759.663
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	82.473.101.225
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.228.055.870	17.024.029.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.105.532.613	13.835.669.169
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.691.222.348	45.540.704
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		79.770.675.966	(43.639.967.305)
7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	3.191.785.848
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	27.238.271.177
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		72.110.115.909	174.858.271.135
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.005.475.531.886	5.595.474.104.443

Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.822.972.390.655	5.980.696.783.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.106.292.789	2.608.046.269
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	5.820.866.097.866	5.978.088.737.267
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.462.111.681.037	5.756.823.790.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		358.754.416.829	221.264.947.159
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	72.728.420.374	48.109.379.966
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	54.041.655.348	114.186.709.603
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.938.095.451	95.034.959.042
8. Chi phí bán hàng	24		110.712.102	6.127.129.425
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		244.156.066.348	150.519.888.018
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		133.174.403.405	(1.459.399.921)
11. Thu nhập khác	31		54.611.383.315	119.272.161.976
12. Chi phí khác	32		49.401.786.085	58.874.952.594
13. Lợi nhuận khác	40		5.209.597.230	60.397.209.382
14. Lãi/(Lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	45		(5.558.584.212)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		132.825.416.423	58.937.809.461
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		32.093.131.575	13.407.341.135
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.732.284.848	45.530.468.326
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		9.046.546.558	8.959.561.150
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		91.685.738.290	36.570.907.176
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	1.310	-

Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởngNguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	132.825.416.423	58.937.809.461
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	52.625.424.349	90.438.909.948
Các khoản dự phòng	03	(6.750.076.398)	(309.860.857.049)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	296.594.363	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(72.625.708.638)	(40.760.644.027)
Chi phí lãi vay	06	33.938.095.451	95.034.959.042
động	08	140.309.745.550	(106.209.822.625)
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	60.218.742.547	(272.085.169.410)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	501.436.113.674	298.753.619.690
Tăng/giảm các khoản phải trả	11	6.989.981.485	139.511.106.501
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	125.740.014.439	29.426.489.727
Tiền lãi vay đã trả	13	(33.938.095.451)	(95.034.959.042)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.284.707.743)	(13.364.480.671)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	790.471.794.501	(19.003.215.830)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(19.353.082.570)	(35.812.200.449)
Thu tiền bán thanh lý tài sản cố định	22	4.472.960.832	6.710.834.510
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(425.689.564.160)	(7.112.250.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	301.774.765.449	48.008.502.079
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(250.423.200.777)	(52.763.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	219.260.348.120	16.083.968.496
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.448.103.433	32.756.817.684
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(100.509.669.673)	7.872.172.320
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	362.230.240.337	-
Tiền chi trả vốn góp của CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	948.035.973.388
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35.808.312.734	(875.936.649.401)
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(718.940.665.289)	-
Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	36	(7.417.448.000)	(14.466.367.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(328.319.560.218)	57.632.956.774
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	361.642.564.610	46.501.913.264
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	485.036.264.805	438.534.351.541
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	846.678.829.415	485.036.264.805



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0100104274 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 6 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700 tỷ đồng, được chia thành 70 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP có 12 đơn vị thành viên, cụ thể bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1;
- Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 1
- Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Xí nghiệp Cầu 17;
- Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1
- Xí nghiệp xây dựng công trình Cienco1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên; và
- Công ty Xây dựng 123;
- Ban quản lý dự án Nhà Chung cư.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng Công trình công ích;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế Công trình cầu, đường bộ; Thiết kế Công trình dân dụng và Công nghiệp;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp; Dịch vụ tư vấn du học; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại;
- Tư vấn xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa Công trình; Khảo sát địa chất nền móng công trình;
-

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn 12 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty - Công ty Cổ phần áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Các Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tổ hợp được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có 7 (bảy) Công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Cầu 12	Long Biên, Hà Nội	50,60%	Xây dựng và thiết kế các công trình
Công ty CP XDCT & đầu tư 120	Gia Lâm, Hà Nội	58,12%	Xây dựng và thiết kế các công trình
Công ty CP cơ khí xây dựng 121 - Ciencol	Long Biên, Hà Nội	50,82%	Xây dựng và thiết kế các công trình
Công ty QL&ĐT XDCTGT 240	Gia Lâm, Hà Nội	80,75%	Quản lý và bảo dưỡng đường bộ, Xây dựng công trình, Sản xuất và kinh doanh vật liệu
Công ty đường bộ 242	Bảo Thắng, Lào Cai	60,49%	Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường bộ; Sửa chữa và xây dựng công trình
Công ty QL&XD đường bộ 248	Hai Bà Trưng, Hà Nội	67,83%	Quản lý và bảo dưỡng đường bộ, Xây dựng công trình, Sản xuất và kinh doanh vật liệu
Công ty CP TV thí nghiệm CT Giao thông 1-Ciencol	Đống Đa, Hà Nội	51,00%	Thí nghiệm VLXD, sản xuất và kinh doanh VLXD, tư vấn giám sát chất lượng công trình giao thông, khảo sát địa hình địa chất công trình, địa chất thủy văn và các dịch vụ khác, kể cả kinh doanh thiết bị thí nghiệm và chuyển giao công nghệ thí nghiệm.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình còn bao gồm giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao trong 3 năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị các công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

	Số năm
Thiết bị luân chuyển	5
Vật tư luân chuyển	2 - 3,5
Công cụ dụng cụ	2 - 5

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	167.859.705.867	11.714.339.875
Tiền gửi ngân hàng	494.274.418.560	305.739.259.536
Các khoản tương đương tiền	184.544.704.988	167.582.665.394
Cộng	846.678.829.415	485.036.264.805

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng về hoạt động xây lắp	1.443.615.150.736	1.624.452.698.040
Phải thu khách hàng về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.805.763.559	39.600.710.712
Cộng	1.498.420.914.295	1.664.053.408.752

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trả trước cho người bán về hoạt động xây lắp	483.562.364.161	435.166.265.024
Trả trước cho người bán về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.497.968.639	890.179.677
Cộng	485.060.332.800	436.056.444.701

4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.368.542.504	49.405.766.175
Công cụ, dụng cụ	1.479.880.247	1.955.071.264
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	880.747.642.495	1.080.322.302.636
Thành phẩm	4.409.802.903	3.019.873.026
Hàng hóa	517.236.883	390.600.000
Hàng gửi đi bán	-	274.485.591
Cộng	923.523.105.032	1.135.368.098.692
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	923.523.105.032	1.135.368.098.692

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2014	15.443.284.968	806.913.200	16.250.198.168
Giảm khác	(733.149.000)	(48.659.200)	(781.808.200)
Tại 31/12/2014	14.710.135.968	758.254.000	15.468.389.968
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2014	653.557.441	753.805.422	1.407.362.863
Khấu hao trong kỳ	227.518.447	18.848.578	246.367.025
Giảm khác	-	(14.400.000)	(14.400.000)
Tại 31/12/2014	881.075.888	758.254.000	1.639.329.888
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	14.789.727.527	53.107.778	14.842.835.305
Tại 31/12/2014	13.829.060.080	-	13.829.060.080

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nhà chung cư Hoàng Đạo Thúy	-	18.905.046.270
Khách sạn VPCN Tây Bắc tại Sơn La	59.368.690.627	56.553.012.374
Công trình khác tại các công ty con	1.615.629.419	9.887.562.634
Cộng	60.984.320.046	85.345.621.278

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Mẫu B 09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Điều chỉnh lãi lỗ trong năm VND	Lợi thế Thương mại phân bổ VND	Số dư cuối năm VND
Công ty CP SXVL và XDCT 1	2.571.000.000	-	-	2.571.000.000
Công ty CP TVĐT và XD Việt Nam	2.641.303.364	255.069.558	(5.130.336)	2.891.242.586
Công ty CP ĐTXD và TM Du lịch - Cienco1	999.686.135	259.244.330	-	1.258.930.465
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Cienco1	586.812.929	-	-	586.812.929
Công ty CP SXVL và XDCT 115	1.263.234.000	(34.943.592)	-	1.228.290.408
Công ty CP ĐT và XDCT 128 - Cienco1	6.214.309.449	7.200.000	(141.430.945)	6.080.078.504
Công ty CP XDGT và TM 124	7.200.000.000	(12.865.209.100)	-	(5.665.209.100)
Công ty CP TVĐT XDCTGT 1 - Cienco 1	4.381.967.232	649.619.887	(116.196.723)	4.915.390.396
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	34.225.000.000	-	-	34.225.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình I	2.770.727.287	-	(56.572.729)	2.714.154.558
Công ty CP XNK Thanh Hóa	1.715.000.000	11.446.660.243	-	13.161.660.243
Công ty TNHH B.O.T Đường Tránh Thanh Hóa	21.050.000.000	-	-	21.050.000.000
Công ty CP Xây dựng công trình I	4.900.000.000	-	-	4.900.000.000
Công ty CP Cầu 14	15.357.718.262	1.551.117.595	(33.171.826)	16.875.664.031
Công ty CP xi măng Mai Sơn	57.494.028.490	(6.827.343.134)	-	50.666.685.356
Công ty TNHH Hall Brothers International	2.543.499.270	-	-	2.543.499.270
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cienco1	2.350.000.000	-	-	2.350.000.000
Công ty CP Xây dựng công trình 15	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	49.400.000.000	-	-	49.400.000.000
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	38.887.600.000	-	-	38.887.600.000
Cộng	261.051.886.418	(5.558.584.212)	(352.502.559)	255.140.799.647

9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP XDCTGT 189 - Cienco1	-	5.000.000.000
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng Anphnam	4.025.905.831	4.025.905.831
Công ty CP PHTT và BĐS Thái Bình Dương	-	6.037.500.000
Công ty CP BOT Pháp Vân Cầu Giẽ	49.032.000.000	-
Công ty CP IMICO - CIENCO1	-	8.651.327.429
Công ty CP ĐTTM&XD Giao thông 1	5.348.575.013	5.348.575.013
Công ty CP ĐT và XDCT 134	5.823.411.406	5.823.411.406
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	1.420.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	383.984.408	5.503.984.408
Cộng	66.033.876.658	40.390.704.087

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng ĐT & PT Bắc Hà Nội	-	4.634.473.727
Ngân hàng ĐT & PT Hà Giang	-	133.702.622
Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre	-	18.500.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Điện Biên	-	2.600.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Tuyên Quang	-	10.014.350.246
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	80.780.200.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	45.284.617.622	82.168.410.661
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	49.969.197.174	27.350.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	47.155.269.000	41.235.200.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (iv)	1.450.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Chi nhánh Thăng Long - PGD Hai Bà Trưng (v)	5.265.704.001	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (vi)	7.610.536.000	9.477.510.740
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (vii)	18.127.581.366	12.088.650.827
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (viii)	70.561.870.070	107.609.114.806
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Hội sở (ix)	27.944.278.021	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (x)	2.791.117.406	563.000.000
Huy động vốn CBCNV	4.711.997.323	3.058.853.210
Vay khác	20.963.899.327	162.164.981.067
Cộng	301.836.067.310	562.378.447.906

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/2014/HDHM-PN/SHB.110222 ngày 26 tháng 07 năm 2014. Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Tổng Công ty. Mục đích cụ thể của từng khoản vay được quy định rõ trong từng khế ước nhận nợ của mỗi lần giải ngân. Lãi suất vay tùy thuộc vào từng thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ được lập cho mỗi lần rút vốn vay. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị doanh thu chuyển về tài khoản của Tổng Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội và quyền đòi nợ phát sinh từ các công trình mà Tổng Công ty thi công xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

- Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1311/2013/HĐTDNT/SHBHN-CÀU 12 - CIENCO1 ngày 13 tháng 11 năm 2013, tổng dư nợ cho vay, bảo lãnh ngân hàng cấp cho Công ty là 350 tỷ đồng. Thời hạn cho vay, bảo lãnh được ghi trên từng Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng bảo lãnh cụ thể, trong đó thời hạn cho vay tối đa là 09 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định tại hợp đồng tín dụng cụ thể. Công ty sử dụng tiền vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình và phát hành các loại bảo lãnh (bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn tạm ứng, bảo lãnh chờ quyết toán, bảo lãnh bảo hành công trình, bảo lãnh thanh toán). Công ty sử dụng quyền đòi nợ, dòng tiền chuyển về tài khoản của Công ty mở tại SHB và các tài sản khác để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng thế chấp số 2604/2014/TCQDN/SHB.110211 của ngân hàng SHB).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 318.14.057.1396960 ngày 22 tháng 04 năm 2013 với hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100.000.000.000 đồng, dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 40.000.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân tối đa đến ngày 31 tháng 7 năm 2015, thời hạn vay sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp XL02: phần trên nhịp dẫn và kết cấu phần dưới trụ nhịp dẫn thuộc dự án thành phần 1- Dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên Quốc lộ 60- tỉnh Trà Vinh và Bến Tre và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp nhận. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất sẽ xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai là giá trị sản lượng đã thực hiện chưa được nghiệm thu từ Hợp đồng kinh tế thi công xây dựng cầu Cổ Chiên số 21/HDXL-CC-2013 tháng 11 năm 2013 gói thầu XL02: Kết cấu phần trên nhịp dẫn và kết cấu phần dưới trụ nhịp dẫn. Sau khi tài sản đã hình thành (giá trị sản lượng đã được nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán) thì tài sản đảm bảo là khoản phải thu.

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1379.14.057.1396960 ngày 24 tháng 09 năm 2014 với hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 320.000.000.000 đồng, dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 35.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 10 năm 2018. Mục đích vay là cấp hạn mức công trình phục vụ gói thầu số CW3A, dự án "Xây dựng Cầu Vàm Cống" theo hợp đồng số 06/TCCT-KHTT ngày 02 tháng 01 năm 2014 giữa Tổng công ty Xây dựng CTGT 1 - Công ty CP và Công ty Thi công Cơ Giới 1. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu theo hợp đồng số 06/TCCT-KHTT ngày 02 tháng 01 năm 2014.

Hợp đồng tín dụng số 948.14.057.13969600.TD ngày 24 tháng 09 năm 2014 với hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 65.000.000.000 đồng, dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 33.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân đến ngày 29 tháng 03 năm 2015. Mục đích vay là cấp hạn mức công trình phục vụ gói thầu số 3, dự án "Đầu tư xây dựng nút giao thông khác mức tại nút giao thông Ngã ba Huế - thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng BT" theo hợp đồng số 0074/XN17-KHVT ngày 21 tháng 02 năm 2014 giữa Xí nghiệp Cầu 17 Cienco1 và Công ty Thi công cơ giới 1. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất sẽ xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu theo hợp đồng số 0074/XN17-KHVT ngày 21 tháng 02 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD1329000368 ngày 22 tháng 11 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2013. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây lắp các công trình giao thông. Thời hạn vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ nhưng không được vượt mức quá 10 tháng. Lãi suất áp dụng, phương thức điều chỉnh lãi suất sẽ được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành và chưa hình thành từ các dự án trọng điểm Quốc gia và các dự án có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước hoặc từ vốn vay quốc tế, vốn tài trợ quốc tế.
- (iv) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng cấp hạn mức ngày 30 tháng 09 năm 2014, hiệu lực tới ngày 31 tháng 07 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long - Phòng Giao dịch Hai Bà Trưng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 61/HDTD/HBT-CIENCO1/2014 ngày 10 tháng 09 năm 2014. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình và phát hành các loại bảo lãnh phục vụ hoạt động thi công công trình. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ đã và sẽ hình thành của các công trình, gói thầu được cấp tín dụng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 3120LAV201400985 ngày 10 tháng 09 năm 2014. Hạn mức vay là 8.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất cho vay là 11%/năm, áp dụng lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 092014/TC ngày 10 tháng 09 năm 2014 và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay khác.
- (vii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Theo Hợp đồng tín dụng số 151/2013/572 ngày 26 tháng 06 năm 2013 với tổng hạn mức dư nợ tối đa là 68.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 9 tháng trên mỗi lần nhận tiền vay. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình Cầu Lạch Tray. Khoản vay trên chịu lãi suất theo từng bảng kê rút vốn cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AD-082948, giá trị tài sản trên đất tại số 463 Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải khác để đảm bảo cho khoản vay trên.
 - Theo Hợp đồng tín dụng số 151/2013/573 ngày 26 tháng 06 năm 2013 với tổng hạn mức dư nợ tối đa là 151.483.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 9 tháng trên mỗi lần nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình Cầu Cửa Nhượng. Khoản vay trên chịu lãi suất theo từng bảng kê rút vốn cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AD-082948, giá trị tài sản trên đất tại số 463 Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải khác để đảm bảo cho khoản vay trên.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

(viii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02A/2014-HĐTDNT/NHCT128-CAU 12-CAOLANH ngày 24 tháng 06 năm 2014 với tổng tiền vay hạn mức tối đa là 114.857.000.000 đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá ngày 31 tháng 05 năm 2015, thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất tiền vay được điều chỉnh 01 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thi công công trình cầu phía bờ nam thuộc gói thầu CW1B. Công ty sử dụng quyền đòi nợ của Công ty phát sinh từ hợp đồng xây lắp số 03/HP2-XL (RCCP03), ngày 17 tháng 03 năm 2014 giữa Ban QLDA đầu tư phát triển giao thông đô thị Hà Nội và Liên danh Công ty Cổ phần Cầu 12 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Linh Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2014/HĐTC/NHCT128-CAU12/CAOLANH).
- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01A/2014-HĐTDCT/NHCT128-CAU12-NUTBUOI ngày 22 tháng 05 năm 2014 với tổng hạn mức cho vay tối đa là 63.888.000.000 đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá ngày 30 tháng 04 năm 2015, thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất tiền vay được điều chỉnh 01 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí phục vụ thi công phần việc của Công ty được phân chia trong gói thầu số 03/HP2-XL (RCCP03). Công ty sử dụng quyền đòi nợ của Công ty phát sinh từ hợp đồng xây lắp số 03/HP2-XL (RCCP03), ngày 17 tháng 03 năm 2014 giữa Ban QLDA đầu tư phát triển giao thông đô thị Hà Nội và Liên danh Công ty Cổ phần Cầu 12 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Linh Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2014/HĐTC/NHCT128-CAU12/NUTBUOI).

(ix) Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số LD1328900237 ngày 11 tháng 12 năm 2013, giá trị của hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay không vượt quá 10 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Công ty sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp và phát hành bảo lãnh của Công ty. Công ty sử dụng quyền đòi nợ đã hình thành và chưa hình thành từ dự án trọng điểm Quốc gia và các dự án có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Trung ương và/hoặc vốn vay quốc tế, vốn tài trợ quốc tế để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng Thế chấp quyền đòi nợ số 19052014/HĐTC/VPB-CAU 12 ngày 21 tháng 05 năm 2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC/VPB-CAU12).

(x) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 01/14/TL/1377 ngày 12 tháng 08 năm 2014, tổng số tiền vay là 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cố định theo từng giấy nhận nợ và thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí phục vụ thi công gói thầu số 2 (xây dựng hoàn chỉnh đoạn Km245+200-Km246+500) thuộc dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn Km244+155-Km262+353 tỉnh Lào Cai. Công ty sử dụng máy móc thiết bị trị giá 3.655.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay trên.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. Phải trả người bán**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người bán về hoạt động xây lắp	1.467.783.889.767	1.596.243.112.133
Phải trả người bán về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	411.123.360	2.511.359.365
Cộng	1.468.195.013.127	1.598.754.471.498

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về hoạt động xây lắp	1.361.123.510.785	637.759.652.560
Người mua trả tiền trước về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.687.261.420	6.485.016.621
Cộng	1.372.810.772.205	644.244.669.181

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	202.601.790.031	231.422.728.064
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.120.459.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.336.094.078	16.527.670.246
Thuế thu nhập cá nhân	10.047.076.366	6.865.629.661
Thuế tài nguyên	-	202.641.744
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.982.738.000	5.784.360.129
Các loại thuế khác	10.355.751.423	395.391.079
Các loại phí, lệ phí và các khoản khác	-	9.583.306.982
Cộng	265.323.449.898	271.902.186.905

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**14. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	9.390.240.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	8.641.500.000	-
Vay cá nhân	759.240.000	870.360.000
Vay dài hạn khác	151.493.186	42.292.074.177
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Bắc HN	-	1.019.900.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền	-	595.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Bến Tre	-	333.447.984.543
Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN	-	63.307.126.425
Cộng	18.942.473.186	441.532.445.145

(i) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/2013/HDTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14 tháng 11 năm 2013. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 8.704.800.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay là 11,5%/năm điều chỉnh 03 tháng/lần theo biên độ 2,8%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để thanh toán 06 máy lu rung model CA250D hãng DYNAPAC sản xuất theo hợp đồng kinh tế số 0812/HDKT ngày 28 tháng 08 năm 2013 giữa Tổng Công ty XDCT giao thông I với Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại V-Long. Biện pháp bảo đảm tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay tương đương số tiền 9.672.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 01/2013/HDTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08 tháng 10 năm 2013. Tổng số tiền vay theo hợp đồng này là 3.033.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản tiền vay đầu tiên, lãi suất tiền vay theo khế ước nhận nợ điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích tiền vay là để thanh toán 02 máy lu rung Sakai theo hợp đồng kinh tế số 0637/VTVC-CC.C1 ngày 01 tháng 07 năm 2013 giữa Tổng công ty XDCTGT I và Công ty cổ phần thiết bị vận tải Viettraco. Biện pháp bảo đảm tiền vay là cầm cố giấy tờ có giá là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0080113/SHB BT-CIENCO I ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại Ngân hàng TMCP SHB số tiền là 21.400.000.000 đồng.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 597.14.057.877888.TD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Tổng số tiền vay theo hợp đồng tối đa là 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất trong hạn là lãi suất được xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay là phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng và mục đích khác. Biện pháp đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MAU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2014	337.769.759.663	17.024.029.553	13.835.669.169	45.540.704	82.473.101.225	27.238.271.177	3.191.785.848	(43.639.967.305)	437.938.190.034	
Tăng vốn trong kỳ	455.021.200.000	-	-	-	-	-	-	-	455.021.200.000	
Tăng khác	-	1.797.096.732	-	-	-	-	-	-	1.797.096.732	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	91.685.738.290	91.685.738.290	
Phân phối các quỹ	(5.001.559.220)	5.595.466.938	3.116.769.394	1.813.745.605	-	-	-	(13.861.415.201)	(8.336.992.484)	
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(122.523.257)	-	-	-	-	(122.523.257)	
Điều chỉnh giảm vốn, quỹ về Bộ Giao Thông	(74.138.073.014)	(20.188.537.353)	(12.846.905.950)	(45.540.704)	(82.473.101.225)	(27.238.271.177)	(3.191.785.848)	-	(220.122.215.271)	
Tăng do thoái vốn các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	53.003.768.182	53.003.768.182	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(7.417.448.000)	(7.417.448.000)	
Giảm khác	(13.651.327.429)	-	-	-	-	-	-	-	(13.651.327.429)	
Số dư 31/12/2014	700.000.000.000	4.228.055.870	4.105.532.613	1.691.222.348	-	-	-	79.770.675.966	789.795.486.797	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.822.972.390.655	5.980.696.783.536
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.527.921.000.322	5.458.433.134.320
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	295.051.390.333	522.263.649.216
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.106.292.789	2.608.046.269
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	2.106.292.789	2.608.046.269
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.820.866.097.866	5.978.088.737.267

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	5.198.841.444.954	5.315.012.190.595
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	263.270.236.083	441.811.599.513
Cộng	5.462.111.681.037	5.756.823.790.108

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.683.588.462	25.630.478.985
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	2.878.739.200	11.594.780.227
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.065.993.486	-
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	3.280.316.941	4.336.891.892
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	3.453.606.436
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.819.782.285	3.093.622.426
Cộng	72.728.420.374	48.109.379.966

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	33.938.095.451	95.034.959.042
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	7.186.843.197	10.688.606.709
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	296.594.363	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(12.817.224.189)
Lỗ do bán các loại chứng khoán	9.785.458.262	-
Chi phí tài chính khác	2.834.664.075	21.280.368.041
Cộng	54.041.655.348	114.186.709.603

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	91.685.738.290
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.310

6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.982.847.230.640
Chi phí nhân công	554.025.970.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.495.240.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.390.846.928.540
Chi phí bằng tiền khác	218.343.530.408
Cộng	6.197.558.900.237

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	846.678.829.415	485.036.264.805
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.595.965.011.111	1.766.929.716.720
Đầu tư ngắn hạn	181.694.857.382	57.780.058.671
Đầu tư dài hạn	66.033.876.658	40.390.704.087
Cộng	2.690.372.574.566	2.350.136.744.283
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	320.778.540.496	1.003.910.893.051
Phải trả người bán và phải trả khác	1.846.477.550.922	2.167.887.782.997
Chi phí phải trả	198.761.255.911	254.510.735.607
Cộng	2.366.017.347.329	3.426.309.411.655

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Các khoản vay	301.836.067.310	18.942.473.186	320.778.540.496
Phải trả người bán và phải trả khác	1.814.632.407.452	31.845.143.470	1.846.477.550.922
Chi phí phải trả	198.761.255.911	-	198.761.255.911
Cộng	2.315.229.730.673	50.787.616.656	2.366.017.347.329

Tại ngày 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Các khoản vay	562.378.447.906	441.532.445.145	1.003.910.893.051
Phải trả người bán và phải trả khác	2.122.174.410.155	45.713.372.842	2.167.887.782.997
Chi phí phải trả	254.510.735.607	-	254.510.735.607
Cộng	2.939.063.593.668	487.245.817.987	3.426.309.411.655

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	846.678.829.415	-	846.678.829.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.595.965.011.111	-	1.595.965.011.111
Đầu tư ngắn hạn	181.694.857.382	-	181.694.857.382
Đầu tư dài hạn	66.033.876.658	-	66.033.876.658
Cộng	2.690.372.574.566	-	2.690.372.574.566

Tại ngày 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	485.036.264.805	-	485.036.264.805
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.766.929.716.720	-	1.766.929.716.720
Đầu tư ngắn hạn	57.780.058.671	-	57.780.058.671
Đầu tư dài hạn	40.390.704.087	-	40.390.704.087
Cộng	2.350.136.744.283	-	2.350.136.744.283

2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty và công ty con đều có trụ sở tại Miền Bắc. Vì vậy, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động xây lắp và hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ chưa chiếm đến 10% tổng doanh thu và lợi nhuận gộp phát sinh. Vì vậy, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2014 VND
Doanh thu	301.751.892.054
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	190.574.381.144
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	111.177.510.910
Mua hàng	314.896.114.737
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cienco1	6.256.111.461
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Cienco1	11.900.270.894
Công ty CP ĐTXD và TM Du lịch - Cienco1	20.318.402.784
Công ty CP Cầu 14	276.421.329.598

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND
Phải thu khách hàng	4.401.689.852
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	1.536.117.261
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	2.865.572.591
Người mua trả tiền trước	235.872.038.878
Công ty CP BOT Pháp Vân Cầu Giẽ	104.382.774.192
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	131.489.264.686
Phải trả người bán	124.259.099.221
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng Anphnam	3.580.121.028
Công ty CP ĐT và XDCT 128 - Cienco1	459.481.395
Công ty CP ĐTXD và TM Du lịch - Cienco1	14.828.885.544
Công ty CP Cầu 14	105.390.611.254
Trả trước cho người bán	22.554.474.754
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cienco1	7.475.040.260
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Cienco1	464.742.804
Công ty CP xi măng Mai Sơn	12.509.691.690
Công ty TNHH B.O.T Đường Tránh Thanh Hóa	2.105.000.000

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Cán Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập